

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 11-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
thuê quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;
Bà Bùi Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thê Th; địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Tổ trưởng Tổ hợp tác X, xã N: Ông Nguyễn Thăng L; địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Vĩnh H; địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ông Phạm Hùng V; địa chỉ: Tổ 05, phường M, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ông Nguyễn T; địa chỉ: Thôn 07, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Bà Nhan Thị L, ông Trương Ch, ông Nguyễn Trọng L; cùng địa chỉ: Thôn 07, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ông Nguyễn Thành Ch, ông Lê Văn H, ông Cù Bá L; cùng địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ông Lê Văn H, ông Trần H, ông Nguyễn Văn Kh, ông Lê Trọng L, ông

Lều Văn M, ông Nguyễn Thành N, ông Cù Bá Ng; cùng địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ông Nguyễn H, ông Cao Quang T, ông Ngô Văn M, ông Bùi Văn V, ông Bùi Tấn Tr, ông Hoàng Đình C, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Xuân B, ông Nguyễn Ngọc L, ông Trần Viết Th, ông Lê Quý T, ông Trần Viết Q, ông Trần Đình T, ông Võ Văn H, bà Phạm Thị Th, ông Lê Quyết Ch, ông Lê Xuân Ph, ông Trương Văn D, ông Nguyễn Văn D, ông Trần Văn M, ông Nguyễn Văn Ch, ông Trương Đức T, bà Vũ Thị T, ông Lê Tiên S, ông Đoàn Thanh T, ông Đường Văn H, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thế Th, ông Trần Hoàng S, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thăng L, ông Phạm Thế N, ông Huỳnh Cao T, ông Lê Văn H, ông Trương Đức H, ông Trương Đức Kh, ông Hồ Chí T, ông Phạm Văn Th, ông Hồ Sỹ S, ông Vũ Hữu Đ, bà Trần Thị Đ, ông Nguyễn Đức Ng, ông Hồ Ngọc Đ, ông Phan Văn C, ông Võ Văn Th, ông Lê Hồng Kh, ông Vũ Văn Th, ông Nguyễn T, ông Ngô Đình Q, ông Trần Đình D, ông Nguyễn Tấn S, ông Trương Công H, ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị V, ông Ngô Văn Tr, ông Trần Đình L, ông Trần Viết T, ông Mai Thế T, ông Bùi Quốc Th, ông Bùi Vĩnh U, ông Bùi Quang H, ông Bùi Vĩnh M, ông Nguyễn Đình M, ông Lê Quý D, ông Bùi Vĩnh C; cùng địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thế Th – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 của ông Nguyễn Thế Th và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/9/2018, Tổ hợp tác X xã N (*viết tắt là Tổ hợp tác*) ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thế Th, bà Bùi Thị H để thuê 500m² đất tọa lạc tại thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, mục đích xây dựng kho cất trữ cà phê sau thu hoạch, diện tích đất cho thuê là một phần của thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, diện tích 12.103m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/12/2006, đứng tên hộ ông Nguyễn Thế Th và bà Bùi Thị H. Vị trí đất cho thuê có tứ cận: Phía Đông giáp đường bê tông; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Thế Th; phía Nam giáp đường đất; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu H.

Sau khi ký kết hợp đồng và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã N, ông đã tiến hành phá bỏ 56 trụ tiêu trị giá 600.000 đồng/trụ; 06 cây sầu riêng trị giá 800.000 đồng/cây, 02 cây dừa trị giá 500.000 đồng/cây, 01 cây chôm chôm trị giá 500.000 đồng/cây, 01 cây ổi không hạt trị giá 500.000 đồng/cây, 01 cây mít ghép vàng trị giá 500.000 đồng/cây, tất cả trồng năm 2017; 01 cây mít 10 năm tuổi trị giá 1.000.000 đồng/cây; 05 cây sao trồng bờ rào chắn gió trị giá 200.000 đồng/1 cây; 01 cây xoan lấy gỗ trị giá 500.000 đồng/cây; 01 chuồng gà rộng 06m² trị giá 3.000.000 đồng; 01 bụi chuối trị giá 500.000 đồng; 45m hàng rào B40 trị giá 4.000.000 đồng.

Đến ngày 11/01/2019, ông nhận được Thông báo số: 01/TB-THT của Tổ hợp tác, nội dung thể hiện do hoàn cảnh thay đổi nên hợp đồng thuê đất được chấm dứt theo Điều 420 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngày 14/01/2019, ông đã làm văn bản thông báo cho Tổ hợp tác biết ông không đồng ý chấm dứt hợp

đồng thuê quyền sử dụng đất ký ngày 13/9/2018. Ông cho rằng việc chấm dứt hợp đồng là không đúng với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Tổ hợp tác phải bồi thường thiệt hại về cây cối trước và sau khi giải phóng mặt bằng với số tiền 50.400.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của Tổ hợp tác X, xã N trình bày: Ngày 13/9/2018, ông Bùi Vĩnh H đại diện cho Tổ hợp tác thuê 500m² đất của ông Th để làm nhà kho theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số: 61/SCT/HĐ-GD. Sau khi ký hợp đồng, Tổ hợp tác nhận thấy đường giao thông yếu kém, cách xa trung tâm, không thuận lợi cho việc chở nông sản nên đã gửi giấy mời ông Th họp để thương lượng về việc hủy hợp đồng nhưng ông Th không tham gia. Thông qua ba lần họp, Tổ hợp tác đã hủy hợp đồng thuê đất và nhờ Công an xã, địa chính xã vào đất nhà ông Th để xác minh nhưng không có thiệt hại về hoa màu. Mặt khác, ông Th chưa bàn giao đất cho Tổ hợp tác, Tổ hợp tác cũng không yêu cầu ông Th chặt cây, mức đất và thực tế không có tài sản trên đất bị thiệt hại, do đó, Tổ hợp tác không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Th, yêu cầu Tòa án buộc Tổ hợp tác phải bồi thường thiệt hại về cây cối trước và sau khi giải phóng mặt bằng cho vợ chồng bà số tiền 50.400.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Vĩnh H trình bày: Thời điểm ký kết hợp đồng, ông đang làm Tổ trưởng Tổ hợp tác, đến tháng 01/2019 ông Nguyễn Thăng L thay ông làm Tổ trưởng. Ông không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Th vì chưa phát sinh trách nhiệm bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T trình bày: Ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N nhiệm kỳ 2016-2021. Ngày 13/9/2018, ông chứng thực hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất giữa ông Th, bà H với ông H là đại diện của Tổ hợp tác, mục đích thuê đất để làm nhà kho theo chủ trương của dự án Z. Với vai trò là người đứng đầu địa phương, ông đã gọi điện cho ông Th đôn đốc, nhắc nhở bàn giao mặt bằng để thi công đúng thời hạn. Ông không yêu cầu ông Th chặt cây, mức đất để bàn giao mặt bằng, cũng không biết trên đất của ông Th có tài sản gì. Ông và ông Phạm Hùng V có đến nhà ông Th để yêu cầu nộp tiền đối ứng số tiền 65.000.000 đồng nhưng ông Th không nộp. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng V trình bày: Ngày 24/5/2017, Ban quản lý dự án Z tiến hành họp tham vấn chính quyền địa phương và Tổ hợp tác, thống nhất Tổ hợp tác sẽ thuê đất để xây dựng nhà kho. Theo quy định của dự án, Tổ hợp tác phải chuẩn bị mặt bằng; dự án chỉ thi công khi nhận mặt bằng đủ điều kiện thi công công trình. Sau khi nhận được hợp đồng thuê đất giữa Tổ hợp tác với ông Th, Ban quản lý dự án đã kiểm tra thực địa và thấy mặt bằng là sân đất, đã được san gạt từ trước để phơi nông sản. Tuy nhiên, do là đất nông nghiệp chưa đủ điều kiện thi công nên Ban quản lý dự án đã đề nghị Tổ công tác cấp huyện hỗ trợ pháp lý cho Tổ hợp tác để chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ngày 25/10/2018, Ban quản lý dự án có Công văn đề nghị phối hợp

triển khai các nội dung liên quan đến việc thi công công trình tại Tổ hợp tác, sau đó yêu cầu Tổ hợp tác bàn giao mặt bằng để thi công nhà kho. Do vướng mắc về việc đóng góp vốn đối ứng, thời gian của hợp đồng thuê đất và giá trị sử dụng công trình nên Ban quản lý dự án đã gặp Tổ hợp tác và ông Th để giải thích các chính sách hỗ trợ và quy định của dự án. Trường hợp Tổ hợp tác không bàn giao mặt bằng thì Ban quản lý dự án sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền và không hỗ trợ xây dựng nhà kho, cắt giảm khối lượng thi công đoạn đường giao thông do thiếu phần vốn đối ứng của hợp phần nhà kho dẫn đến không đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng của Tổ hợp tác trong toàn bộ công trình. Ông không yêu cầu ông Th chặt cây trên đất vì chưa có biên bản bàn giao mặt bằng, ông chỉ yêu cầu Tổ hợp tác huy động vốn đối ứng trước khi thi công theo đúng quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 420, Điều 422, Điều 428 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2020, ông Nguyễn Thế Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày những nội dung như trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế Th, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thế Th nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thế Th, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót cụ thể như sau:

[2.1]. Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 13/9/2018 được ký kết giữa ông Nguyễn Thế Th, bà Bùi Thị H với Tổ trưởng Tổ hợp tác là ông Bùi Vĩnh H. Theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chủ thể xác lập, thực hiện giao dịch của Tổ hợp tác là tất cả các thành viên của Tổ hợp tác hoặc

các thành viên ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch và việc ủy quyền phải được lập thành văn bản. Trường hợp thành viên của Tổ hợp tác không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập, thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ việc ông H ký kết hợp đồng thuê đất có được các thành viên của Tổ hợp tác ủy quyền hay không; trong hồ sơ không có văn bản ủy quyền của các thành viên Tổ hợp tác.

[2.2]. Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/12/2006 cho hộ ông Nguyễn Thế Th và bà Bùi Thị H. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Th, bà H gồm những ai, việc ký kết hợp đồng có được các thành viên trong hộ gia đình đồng ý hoặc có văn bản ủy quyền cho ông Th tham gia giao kết hợp đồng hay không; không đưa các thành viên trong hộ gia đình vào tham gia tố tụng trong vụ án để làm rõ nội dung này là có phần thiếu sót.

[2.3]. Tại Điều 2 của Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thể hiện thời hạn thuê quyền sử dụng đất là 20 năm kể từ ngày 13/9/2018. Ngày 09/01/2019, Tổ hợp tác ban hành Thông báo số: 01/TB-THT về việc chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa Tổ hợp tác với ông Nguyễn Thế Th với các lý do quy định tại Điều 420 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BL 06, 07). Ngày 11/01/2019, ông Th nhận được Thông báo số : 01/TB-THT của Tổ hợp tác về việc chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông Th, bà H. Ngày 14/01/2019, ông Th làm văn bản thông báo cho Tổ hợp tác biết gia đình ông không đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ký ngày 13/9/2018 (BL 92). Như vậy, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Th, bà H với Tổ hợp tác vẫn còn tồn tại trên thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, nhưng quá trình giải quyết không xem xét đến hợp đồng có hiệu lực hay bị vô hiệu. Trường hợp hợp đồng bị vô hiệu thì phải xác định lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu mới có căn cứ giải quyết về bồi thường thiệt hại.

[3]. Tại Đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, ông Th khởi kiện bị đơn là Tổ hợp tác X xã N, người đại diện: Ông Bùi Vĩnh H, chức vụ: Tổ trưởng. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải hướng dẫn ông Th sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đối với bị đơn là ông Bùi Vĩnh H, chứ không phải là Tổ hợp tác, bởi vì ông H là người trực tiếp ký kết hợp đồng là bị đơn trong vụ án, còn các thành viên trong tổ hợp tác tại thời điểm ký hợp đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân nên ông Bùi Vĩnh H không phải là người đại diện cho Tổ hợp tác để ký kết hợp đồng.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là Tổ hợp tác X xã N, người đại diện ông Bùi Vĩnh H, nhưng tại bản án sơ thẩm lại xác định bị đơn là Tổ trưởng Tổ hợp tác ông Nguyễn Thăng L là không đúng, bởi vì ông Bùi Vĩnh H là người ký kết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, nên ông H là bị đơn trong vụ án.

[5]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thành viên của Tổ hợp tác là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án không thông báo thụ lý vụ án cho họ biết, trong hồ sơ không có bản tự khai hoặc biên bản lấy lời khai của những người này. Tại Biên bản xác minh ngày 05/10/2019 thể hiện tất cả các thành

viên của Tổ hợp tác vẫn sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tiến hành niêm yết văn bản tố tụng đối với họ là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác, các thành viên của Tổ hợp tác có hộ khẩu thường trú ở các thôn khác nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại lập biên bản niêm yết chung tại thôn 02, 03, 06, 07, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là không đúng theo quy định Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc xác minh, thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế Th và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Thế Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Thế Th 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thế Th.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho ông Nguyễn Thế Th 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002791 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thông